

## TIẾP NHẬN TIỂU THUYẾT ĐỨC THẾ KỈ 20 Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN TRƯỚC NĂM 1986 QUA DỊCH THUẬT VÀ NGHIÊN CỨU, PHÊ BÌNH

**Ôn Thị Mỹ Linh**

*Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên*

### TÓM TẮT

Vận dụng lý thuyết tiếp nhận trong nghiên cứu văn học hiện vẫn là một xu hướng nghiên cứu tiềm năng. Ở nước ngoài, một số nhà nghiên cứu đã vận dụng lý thuyết tiếp nhận trong nghiên cứu tiếp nhận tiểu thuyết của Franz Kafka, Thomas Mann, Guenter Grass. Ở Việt Nam, chưa có công trình nào đề cập tới tiếp nhận tiểu thuyết Đức thế kỉ 20. Qua khảo sát, phân tích các bản dịch, bài giới thiệu, công trình nghiên cứu, phê bình liên quan tới tiểu thuyết Đức thế kỉ 20, bài viết tập trung làm rõ những đặc điểm của tiếp nhận tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 ở Việt Nam giai đoạn trước năm 1986 qua hai phương diện: dịch thuật và nghiên cứu, phê bình. Kết quả khảo sát, phân tích cho thấy trước năm 1986, một số tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 đã được dịch ra tiếng Việt và xuất bản ở Việt Nam như tác phẩm của Thomas Mann, Herman Hesse, Erich Maria Remarque, Heinrich Boell. Việc dịch tiểu thuyết dựa trên nguyên tác tiếng Đức rất ít ỏi trong giai đoạn này. Số lượng các công trình nghiên cứu về tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 ở Việt Nam trước năm 1986 chưa nhiều. Từ điểm nhìn phân tâm học, hiện sinh hay chính trị, đấu tranh giai cấp nên một số nhận định của các nhà nghiên cứu về tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 trong giai đoạn này còn cực đoan. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra được vị trí, vai trò quan trọng của Franz Kafka, Thomas Mann trong nền văn học Đức và văn học thế giới.

**Từ khóa:** *văn học nước ngoài; tiếp nhận văn học; tiểu thuyết Đức thế kỉ 20; dịch thuật; nghiên cứu; phê bình.*

*Ngày nhận bài: 21/9/2020; Ngày hoàn thiện: 31/12/2020; Ngày đăng: 31/12/2020*

## THE RECEPTION OF THE 20TH- CENTURY- GERMAN NOVELS IN VIETNAM BEFORE 1986 THROUGH A STUDY ON TRANSLATION, RESEARCH AND CRITICISM

**On Thi My Linh**

*TNU - University of Education*

### ABSTRACT

Literature research based on the theory of reception has been a potential research trend. In foreign countries, some researchers have applied the theory of literary reception to study the reception of Franz Kafka, Thomas Mann, Guenter Grass novels. In Vietnam, there is no research concerning the reception of the 20th- century- German novels. Through surveying and analyzing translations, introduction, research and criticism documentary relating to the 20th- century- German novels, this paper focuses on the characteristics of the reception of the 20th- century- German novels before 1986 through two aspects including translation and research, criticism. As a result, before 1986, some 20th- century- German novels were translated into Vietnamese and published in Vietnam such as the works of Thomas Mann, Herman Hesse, Erich Maria Remarque, Heinrich Boell. Most of translators translated the novels based on the other language versions, rather than the German version. Not many research on the 20th- century- German novels were conducted in the period of before 1986. From the viewpoint of psychoanalysis, existentialism or politics, class struggle, some research statements and analysis were extreme. In general, the researchers have pointed out the position and crucial role of Franz Kafka, Thomas Mann in German literature and world literature.

**Keywords:** *foreign literature; literary reception; the 20th- century- German novels; translation; research and criticism.*

*Received: 21/9/2020; Revised: 31/12/2020; Published: 31/12/2020*

*Email: linhotm@tmue.edu.vn*

## 1. Mở đầu

Văn học Đức, vẫn được coi là một trong bốn cột trụ cùng với văn học Anh, văn học Mỹ và văn học Pháp, tạo nên diện mạo của văn học phương Tây, đóng góp nhiều thành tựu quan trọng cho nền văn học thế giới. Ngay từ thế kỉ 18, văn học khai sáng Đức đã khẳng định vị trí và ảnh hưởng của mình với nhiều tác gia lớn như G.E.Lessing, J.G.Herder, F.Schiller và đặc biệt là nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà soạn kịch, nhà tư tưởng lớn Johann Wolfgang von Goethe, tác giả của kiệt tác *Faust*. Văn học Đức thế kỉ 19 tạo dấu ấn đặc biệt với sự xuất hiện của nhà thơ Henrich Heine. Nhưng phải đến thế kỉ 20 và 21, văn học Đức mới bộc lộ hết tầm vóc lớn lao của mình với chín giải Nobel Văn học, số lượng giải chỉ đứng sau các nền văn học: Pháp, Anh và Mỹ. Ngoài những tác giả đã được trao giải Nobel Văn học, nhiều cây bút khác của văn học Đức cũng thể hiện vị trí tiên phong và ảnh hưởng lớn lao của mình trên văn đàn thế giới như Heinrich Mann, Herman Hesse, Franz Kafka, Bertolt Brecht, Raine Maria Rilke và gần đây là Bernhard Schlink và Daniel Kehlman.

Vận dụng lý thuyết tiếp nhận trong nghiên cứu văn học là một hướng đi không mới, nhưng cho đến nay vẫn là một hướng nghiên cứu tiềm năng. Trên thế giới, tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 với nhiều tên tuổi lớn như Franz Kafka, Guenter Grass, Thomas Mann cũng là đối tượng nghiên cứu của một số công trình vận dụng lý thuyết tiếp nhận. Trong cuốn *Những di sản của nhà văn Đức ở Mỹ: Nghiên cứu tiếp nhận văn học*, các tác giả đã dành nhiều trang để bàn về việc tiếp nhận Franz Kafka, Thomas Mann ở Mỹ [1, tr. 121-129]. Hermann Hesse cũng là đối tượng nghiên cứu từ rất sớm của các nhà phê bình tiếp nhận nước ngoài như Volker Michel với bài viết: "Hesse ở Mỹ, Hesse với chúng tôi" (Hesse in den USA- Hesse bei uns), in trong *Tạp chí Westermanns*, số tháng 5 năm 1971 [2, tr. 52-59]. Một số nhà nghiên cứu như Jos Joosten

và Christoph Parry lại đi sâu tìm hiểu việc tiếp nhận tác phẩm *Cái trống thiếc* của Guenter Grass. Công trình *Tiếng vang của Cái trống thiếc ở châu Âu- Nghiên cứu việc tiếp nhận Cái trống thiếc của Guenter Grass* đã khái quát và phân tích sự tiếp nhận tiểu thuyết *Cái trống thiếc* ở châu Âu kể từ khi tác phẩm được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1959, sau đó được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau ở Ba Lan, Ý, Anh, Hà Lan, Bỉ, Pháp, Phần Lan và Thụy Điển. Các vấn đề về hệ tư tưởng, chính trị chi phối tới việc tiếp nhận tác phẩm này cũng được phân tích và làm rõ; qua đó, cho thấy màu sắc riêng trong tiếp nhận *Cái trống thiếc* ở từng quốc gia châu Âu [3, tr. 1-21].

Ở Việt Nam, vận dụng lý thuyết tiếp nhận nghiên cứu văn học nước ngoài là hướng đi của nhiều nhà nghiên cứu ở Việt Nam và việc vận dụng này đã ghi dấu thành công ở một số đề tài, luận án, sách chuyên khảo. Việc nghiên cứu tiếp nhận tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 cũng bước đầu được xem xét ở góc độ tiếp nhận tác gia văn học và so sánh văn học. Nhà nghiên cứu Lê Huy Bắc trong công trình nghiên cứu về Franz Kafka đề cập tới vấn đề tiếp nhận Franz Kafka ở Việt Nam [4]. Tuy nhiên, số lượng công trình nghiên cứu tiếp nhận tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 ở Việt Nam còn ít và hầu hết các công trình mới chỉ đề cập tới các hiện tượng rời rạc mà chưa có cái nhìn khái quát, hệ thống. Vấn đề tiếp nhận tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 ở Việt Nam giai đoạn trước năm 1986 trên các phương diện như phê bình, nghiên cứu và dịch thuật chưa được đề cập đến trong bất kì công trình nào trong nước cũng như nước ngoài.

Thế kỉ 20, về phương diện lịch sử xã hội, là thời điểm nước Đức trải qua nhiều thăng trầm và biến cố chính trị lớn như chế độ độc tài phát xít Hitler, thua trận trong Chiến tranh thế giới thứ 2, sự chia cắt Đông- Tây và tái thống nhất đất nước. Với nguồn tư liệu hiện thực phong phú đó, tiểu thuyết Đức thế kỉ 20, với

dung lượng đầy đặn đã phản chiếu sinh động những vấn đề thời đại: tình trạng tha hóa, thân phận cô đơn, lạc loài của con người, ám ảnh và nỗi đau của con người thời hậu chiến, sự đối mặt và vượt lên những chấn thương tinh thần của nạn tàn sát người Do Thái thời kì Hitler. Những tác phẩm giai đoạn này cũng thể hiện rõ những cách tân, đột phá, sáng tạo trong nghệ thuật tiểu thuyết từ hiện đại tới hậu hiện đại.

Thông qua việc khảo sát bản dịch, bài báo, luận án, sách phê bình, nghiên cứu liên quan, trong bài viết này, chúng tôi chỉ ra những đặc điểm của dịch thuật, nghiên cứu, phê bình tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 ở Việt Nam giai đoạn trước năm 1986.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Dịch thuật tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 ở Việt Nam trước năm 1986

Về dịch thuật, giai đoạn trước 1986, nhiều tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 đã được dịch ở Việt Nam. Ở miền Bắc, những tác phẩm văn học như *Cây thập tự thứ bảy* (viết năm 1942), *Những người chết còn trẻ mãi* (viết năm 1949) của Anna Seghers, *Trần trụi giữa bầy sói* (viết năm 1958) của Eduard Claudius được dịch từ rất sớm, những năm 60 của thế kỉ 20. Anna Seghers là một trong những nữ nhà văn nổi tiếng hiếm hoi của văn học Đức thế kỉ 20. Những tác phẩm của Anna Seghers với chủ đề về chống phát-xít Đức, phơi bày cuộc sống khốn khổ của người lao động, những tiểu thuyết của Bruno Apitz, nhà văn xuất thân trong gia đình công nhân với nội dung lên án sự dã man trong các trại tập trung của phát-xít Đức phù hợp với “tâm đón đợi” của độc giả miền Bắc, phù hợp với định hướng thẩm mỹ, thị hiếu, nhu cầu thẩm mỹ của độc giả miền Bắc Việt Nam lúc bấy giờ.

Ở miền Nam giai đoạn trước 1975, số lượng sách của nền văn học Đức được dịch khoảng 57 cuốn, chỉ đứng vị trí số 8, ít hơn rất nhiều so với số lượng tác phẩm của văn học Pháp, Mỹ, Nga, Trung Quốc, Anh, Nhật, Ý (theo thống kê của Trần Trọng Đăng Đàn) [5, tr.

161]. Việc dịch với số lượng ít ỏi các tác phẩm văn học Đức được đặt trong bối cảnh chính trị, văn hóa xã hội của phong trào đấu tranh văn hóa tư tưởng ở các đô thị miền Nam, thị trường văn học dịch của văn học Pháp, Trung Hoa, Mỹ và Nga sôi động. Vào thời điểm đó, như nhận định của Hoàng Kim Oanh khi phân tích tình hình tiếp nhận tác phẩm của Edgar Allan Poe, “Trần ngập thị trường sách dịch miền Nam những năm 1967-1974 là tiểu thuyết hiện sinh của Pháp và Truyện Tàu (với hai hiện tượng nổi bật là truyện chương của Kim Dung và tiểu thuyết tâm lý xã hội của Quỳnh Dao). Văn học Mỹ nhiều nhất chỉ có nhà văn nữ chuyên viết về chủ đề Trung Quốc, người đoạt giải Nobel năm 1938: Pearl Buck. Thứ hai là tiểu thuyết chiến tranh của E.Hemingway do tinh thần “phản chiến” của nó. Sôi động nhất trong giai đoạn này là tiểu thuyết hiện sinh, phi lý trần ngập trong các tiểu thuyết Pháp của Albert Camus, J.Paul Sartre cùng nhiều cuộc tranh luận sôi nổi, gay gắt trên các tạp chí *Bách Khoa*, *Sáng tạo*, *Hành trình*, *Văn*, *Đại học*... Rời bản thể luận, siêu hình học của M.Heidegger, triết lý người hùng, chủ nghĩa hư vô của Nietzsche, phân tâm học của Freud... gói tiếp nhau du nhập ồ ạt, trở thành những vấn đề mới lạ, thu hút người đọc tìm đến như đi tìm một câu giải đáp cho chính mình trong thời đại tao loạn. Cái chết phi lý ngay trước mắt khiến cho người ta không còn thì giờ để suy ngẫm, phân tích nỗi khiếp sợ về nó nữa” [5, tr. 172-173]. Đặc điểm xã hội văn hóa ở miền Nam giai đoạn 1954-1975 là tiền đề cất nghia cho việc độc giả miền Nam chuộng văn học phương Tây và văn học Mỹ. Như Trần Hoài Anh nhận định, “xã hội đô thị miền Nam từ 1954-1975 là một xã hội trộn lẫn nhiều nền văn hóa, trong đó chủ yếu là văn hóa phương Tây và văn hóa Mỹ. Với chủ trương mở cửa du nhập văn hóa nước ngoài một cách tự do, thoải mái, nhiều trường phái triết học, mỹ học, lý luận- phê bình văn hóa phương Tây đã tràn vào Việt Nam và ảnh hưởng đến đời sống lý luận - phê bình văn học” [5, tr. 172-

173]. Sự du nhập của các trường phái lý luận phê bình văn học phương Tây như chủ nghĩa hiện sinh, phân tâm học... đã thúc đẩy độc giả tìm đến với những tác phẩm văn học nước ngoài, trong đó có văn học Đức hiện đại, hậu hiện đại.

Trong bài viết “Chiến tranh, xã hội tiêu thụ và thị trường văn học miền Nam 1954-1975”, tác giả Huỳnh Như Phương phân tích bối cảnh xã hội ở miền Nam: “Thái độ đối với chiến tranh đã thành hòn đá tảng trong lập trường chính trị của các thành phần xã hội ở miền Nam. Một bên là lập trường chống Cộng và kéo dài chiến tranh để bảo vệ thể giới tự do của những thế lực cầm quyền và các đảng phái theo chủ nghĩa quốc gia. Một bên đối lập là lập trường hòa bình, đòi chấm dứt chiến tranh, kêu gọi hòa giải và hòa hợp dân tộc để tránh thảm họa diệt chủng, của nhiều phong trào quần chúng” [6]. Năm 1968, 65 giảng viên đại học ở miền Nam, trong số đó có rất nhiều giáo sư của Đại học Văn khoa Sài Gòn và Huế đã ra lời kêu gọi các phe tham chiến kéo dài vô hạn định thời gian hưu chiến nhân dịp Tết Nguyên đán. Bối cảnh đó góp phần lí giải lí do tại sao những tác phẩm với nội dung phản đối chiến tranh như *Phía Tây không có gì lạ*, *Bia mộ đen*, *Đài tưởng niệm đen của bảy điều hâu gây cánh* của Erich Maria Remarque lại được dịch và xuất bản ở miền Nam trong giai đoạn trước 1975. Bối cảnh đó cũng lí giải việc các tác phẩm của Herman Hesse như *Một kiếp giang hồ*, *Đôi bạn chân tình*, *Tuổi trẻ và cô đơn*, *Câu chuyện của dòng sông* với thông điệp về nỗi niềm cô đơn của con người thời đại, những khát khao đi tìm một chân trời mới cho mình, nỗ lực vô hạn vươn lên mọi ràng buộc trong thân phận làm người, viết bằng một thứ văn phong êm đềm, tinh tế được độc giả ưa chuộng.

Một đặc điểm nữa là ở giai đoạn trước 1975, hiếm tác phẩm được dịch từ nguyên tác tiếng Đức. Sự khan hiếm dịch giả tiếng Đức đã buộc các nhà nghiên cứu như Phùng Văn

Từu, Trương Đăng Dung hay các dịch giả ngôn ngữ khác xông vào địa hạt dịch các tiểu thuyết Đức qua bản dịch tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Hungary. Giai đoạn đó, Đỗ Ngoạn là một trong những dịch giả hiếm hoi của văn học Đức giỏi tiếng Đức, am hiểu văn hóa Đức. Tuy nhiên, ông đã dành phần lớn thời gian, tâm huyết và sự say mê để dịch những tác phẩm văn học Đức kinh điển của thế kỉ 18, 19 đặc biệt là bộ *Faust* của Goethe.

Từ 1975 đến 1986, việc dịch các tiểu thuyết Đức hiện đại không được chú trọng. Hầu như không có tác phẩm nào được dịch và xuất bản trong giai đoạn này. Một phần lí do, có lẽ là do hiếm các dịch giả am hiểu ngôn ngữ và văn hóa Đức. Hai nhà nghiên cứu am hiểu tiếng Đức và dịch nhiều tác phẩm văn học Đức ra tiếng Việt vào giai đoạn đó là Đỗ Ngoạn và Lương Văn Hồng lại có hứng thú với *Faust* của Goethe, thơ tình Heinrich Heiner hay truyện cổ tích Grimm hơn là tiểu thuyết của Franz Kafka, Thomas Mann, Günter Grass... Nguyên nhân quan trọng hơn, có lẽ, các dịch giả trong bối cảnh đất nước vừa thống nhất, đang xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với những mối quan hệ đối ngoại tốt đẹp với nước Nga Xô Viết, đã tập trung vào dịch thuật các tác phẩm văn học Nga như *Những người sống và những người chết* (C.Simonov), *Tuyết bông*, *Lựa chọn*, *Bến bờ*, *Trò chơi*, *Các tiểu đoàn chỉ viện* (I.Bondarev), *Hãy sống và nhớ lấy* (V.Rasputin), *Tiếng gọi vĩnh cửu* (A.Ivanov), *Và nơi đây bình minh yên tĩnh* (B.Vasiliev)...

## 2.2. Nghiên cứu, phê bình tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 ở Việt Nam trước năm 1986

So với dịch thuật, bức tranh nghiên cứu, phê bình tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 có phần mờ nhạt hơn. Một trong những tiểu thuyết gia Đức thế kỉ 20 được tiếp nhận sớm nhất bởi các nhà nghiên cứu phê bình là Franz Kafka. Ở miền Nam trước năm 1975, việc giới thiệu, phê bình về tác phẩm của Kafka sôi động hơn ở miền Bắc. Một số bài viết đã nhắc tới Kafka có thể kể tới như: “Vài nét về văn chương

nước Mỹ” của tác giả Văn Quỳ, in trên tạp chí *Bách Khoa* số 1 năm 1957 [7], “Những niềm xao xuyến và hy vọng của văn nghệ châu Âu hiện đại” của tác giả Nguyễn Nam Châu, in trên tạp chí *Đại học* số 11 năm 1959 [8], “Trình bày và phê bình hai quan niệm nổi loạn của Albert Camus” của tác giả Thạch Chương, in trên tạp chí *Sáng tạo* số 3 năm 1960 [9], “Quan niệm về con người qua các giai phẩm của thời đại thế giới và Việt Nam” của tác giả Đào Đăng Vỹ, in trên tạp chí *Quê hương* tháng 12/1960 [10]. Doãn Quốc Sỹ, một trong những nhà nghiên cứu văn học có tiếng lúc bấy giờ ở miền Nam đã đưa ra nhiều nhận định và đánh giá về tác phẩm của Franz Kafka trong cuốn chuyên khảo *Văn học và tiểu thuyết*. Trong Chương ba “Dây liên hệ giữa bộ môn văn học với các bộ môn văn hóa khác” của công trình *Văn học và tiểu thuyết*, Doãn Quốc Sỹ đã viện dẫn ra tác phẩm *Tòa lâu đài* (hay *Lâu đài*) của Franz Kafka khi xem xét mối quan hệ giữa kiến thức tôn giáo, nhân loại học và phê bình học. Chi tiết nhân vật tên K ngồi đợi bất tận dưới chân thành mong được diện kiến vị bá tước chủ nhân mà rồi chẳng bao giờ được gặp cả. Nhà nghiên cứu đã chỉ ra thông điệp về ẩn ức lòng khao khát tình phụ tử của một đứa nhỏ đã từng qua một thời ấu thơ luôn luôn bị hắt hủi. Doãn Quốc Sỹ cho rằng, có thể coi truyện “*Tòa lâu đài* là tượng trưng cho tâm lòng nhân loại luôn luôn hướng về Thượng Đế, đáng chí công, chí minh mà họ tin tưởng, tuy chẳng bao giờ được gặp mặt. Luôn luôn tìm hiểu tác phẩm bằng đôi mắt mở rộng như vậy chúng ta mới không làm hạn hẹp tác phẩm đi, trái lại tác phẩm phồn thịnh như khu rừng già mặc sức cho chúng ta khai phá” [11, tr. 119]. Khi xem xét đến những thay đổi, phát triển của nghệ thuật xây dựng cốt truyện trong lịch sử tiểu thuyết, nhà nghiên cứu cũng nhắc tới các tác phẩm như *Tòa lâu đài*, *Vụ án* của Franz Kafka như là minh chứng cho các tác phẩm đã có sự chuyển mình của cốt truyện và nhân vật “từ những vấn đề luân lý, xã hội sang những vấn đề triết lý, tra hỏi suy

tư về thân phận con người, đặt nghi vấn về ý nghĩa sự hiện hữu con người giữa một thế giới nghịch thù điên đảo” [11, tr. 247]. Nhà nghiên cứu xếp *Vụ án* và *Tòa lâu đài* vào các tiểu thuyết siêu hình. Với Doãn Quốc Sỹ, Franz Kafka được đặt ở vị trí những nhà tiểu thuyết tiên phong, cùng với những tên tuổi khác như Camus, Sartre, cách tân, sáng tạo, khơi mở một hướng đi mới của tiểu thuyết, là phần tinh túy kết tụ lại của nghệ thuật văn chương.

Nếu như Doãn Quốc Sỹ tiếp nhận Franz Kafka từ góc nhìn tôn giáo, coi tác phẩm của Kafka là những phúng dụ, những biểu tượng tôn giáo, xem *Lâu đài* là tượng trưng cho tâm lòng nhân loại luôn hướng về Thượng đế, đáng chí công, chí minh mà họ tin tưởng thì ở một công trình nghiên cứu khác, *Tạp luận* của Võ Phiến, nhà nghiên cứu đã vận dụng học thuyết Freud vào lí giải tác phẩm Kafka. Võ Phiến coi tác phẩm của Kafka là “hiện thân cho ý thức xung khắc thường xuyên giữa vô thức và ý thức” [12]. Hướng tiếp cận này góp phần bổ sung thêm những cách đánh giá mới về tác phẩm của Kafka, tuy nhiên, không tránh khỏi sự hạn hẹp và áp đặt ngẫu nhiên.

Phạm Công Thiện là một trong nhà nghiên cứu có đóng góp quan trọng trong việc giới thiệu và hướng dẫn đọc tác phẩm của Franz Kafka ở miền Nam trong giai đoạn trước năm 1975. Bài viết “Nỗi đau quần quai của Kafka” in trong *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học* là đóng góp đáng ghi nhận của Phạm Công Thiện trong việc áp dụng lý luận phê bình, nghiên cứu phương Tây hiện đại, đặc biệt là triết học hiện sinh trong phân tích, nghiên cứu tác phẩm văn học của Kafka. Phạm Công Thiện soi chiếu vào tác phẩm của Kafka, xem xét mối quan hệ phụ tử của Kafka, lí giải nguồn gốc Do Thái của Kafka [13].

Như vậy, ngay từ trước năm 1975, tác phẩm của Franz Kafka đã được tiếp nhận, chủ yếu ở miền Nam, với một số quan điểm gần với quan điểm của các nhà nghiên cứu hiện nay

như tính chất cách tân, đổi mới nghệ thuật tiểu thuyết, vấn đề thân phận con người. Độc giả của Kafka ở giai đoạn trước năm 1975 chủ yếu thuộc tầng lớp trí thức, những người được hấp thụ nền giáo dục Tây học, có điều kiện, khả năng và khát vọng tìm kiếm những điều mới mẻ của cuộc sống. Trong bối cảnh xã hội miền Nam Việt Nam vào những năm 50 và 60 của thế kỉ 20 với nhiều luồng tư tưởng, triết học phương Tây được du nhập, sáng tác của J.P.Sartre, A.Camus, F.Kafka đáp ứng nhu cầu, hứng thú thẩm mỹ của lớp độc giả trí thức này. Tuy nhiên chịu sự chi phối của quan điểm chính trị, sự tiếp nhận của các nhà nghiên cứu phê bình đối với tác phẩm của Franz Kafka còn có phần sơ lược, chưa thấu đáo.

Bài viết của nhà nghiên cứu Hoàng Trinh “Franz Kafka và vấn đề “huyền thoại” trong văn học phương Tây hiện đại” in trong *Tạp chí Văn học* năm 1970 có thể xem là một trong những công trình nghiên cứu đầu tiên về Kafka ở miền Bắc [14]. Sau bài viết của Hoàng Trinh, tiểu thuyết của Kafka đã được đề cập đến trong một số ít các công trình như *Phê phán Văn học hiện sinh chủ nghĩa* của Đỗ Đức Hiểu, xuất bản năm 1978 [15], *Về tư tưởng và văn học hiện đại phương Tây* của Phạm Văn Sĩ, xuất bản năm 1986 [16]. Hoàng Trinh và Đỗ Đức Hiểu cho rằng tác phẩm của Kafka mang màu sắc hiện thực rõ nét. Hoàng Trinh đánh giá, “Toàn bộ tác phẩm của Kafka trước hết là những tư liệu hiện thực, rút ra từ những mặt tầm thường nhưng cũng rất phức tạp của đời sống xã hội lúc bấy giờ... Kafka đã thấy được những điều đáng ghét, đáng chán, những điều trông thấy mà đau đớn lòng” [14, tr. 22]. Và cũng theo nhà nghiên cứu, tiểu thuyết *Hóa thân* nói lên tinh thần chán ghét, khinh bạc của Kafka đối với thực tại xã hội và thế giới của sự tha hóa.

Tiểu thuyết của Thomas Mann cũng được đề cập đến trong một số ít các công trình nghiên cứu trong giai đoạn này như bài viết “Tô-mát Man một vinh dự của nền văn học Đức” của

Hồng Dân Hoa viết năm 1975 nhân dịp kỉ niệm 100 năm ngày sinh Thomas Mann. Trong bài viết này, nhà nghiên cứu nhận định vị trí của Thomas Mann trong nền văn học Đức nói riêng và trong nền văn học thế giới nói chung là “nhà văn hiện thực lớn của thế kỉ 20, người chiến sĩ hòa bình đã dũng cảm đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và những thế lực phản động trên thế giới” [17, tr. 118]. Trong toàn bộ gia sản của Thomas Mann, Hồng Dân Hoa chú ý tới tiểu thuyết *Gia đình Buddenbrooks* và cho rằng đây là cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của nền văn học Đức đầu thế kỉ 20. Hồng Dân Hoa đánh giá cao giá trị hiện thực của tác phẩm và nhìn tác phẩm từ quan điểm phê bình giai cấp: “Tuy nội dung câu chuyện chỉ xoay quanh sự suy sụp của một gia đình tư sản lớn, nhưng thực ra thì ý nghĩa của nó đã vượt ra ngoài khuôn khổ của một gia đình và mang một ý nghĩa xã hội rộng lớn. Tác giả muốn thông qua sự suy sụp về các mặt kinh tế, đạo đức và địa vị xã hội của gia đình Bút-đen-brúc để nói lên sự hủy diệt tất yếu của giai cấp tư sản ăn bám và mục nát” [17, tr. 119]. Từ quan điểm giai cấp và quan điểm chính trị, Hồng Dân Hoa đã xoáy sâu vào giá trị hiện thực, giá trị tố cáo (từ điểm nhìn của Hồng Dân Hoa) của *Gia đình Buddenbrooks*, “Từ những khía cạnh khác nhau trong cuộc sống, tác giả đã phanh phui những bí mật của một giai cấp đang đi xuống, đã lộ trần bản chất xấu xa bỉ ổi của nó. Chúng ta có cảm tưởng như Tô-mát Man viết cuốn tiểu thuyết *Gia đình Bút-đen-brúc* góp phần vào việc minh họa cho câu nói nổi tiếng của Mác và Ăngghen trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*: “...Giai cấp tư sản đã xé toang bức màn thương cảm phủ lên những quan hệ gia đình và biến những quan hệ ấy thành chỉ là những quan hệ tiền nong đơn thuần mà thôi” [17, tr. 120]. Tuy nhà nghiên cứu cũng chỉ ra một vài điểm độc đáo trong nghệ thuật xây dựng tác phẩm như đây là tiểu thuyết hiện thực phê phán mẫu mực, ngòi bút sinh động, không chút giả tạo, hấp dẫn từ đầu

chí cuối hay nội dung và chủ đề của tác phẩm nhất quán, hình tượng nhân vật hoàn chỉnh, tình tiết sự kiện và chủ đề thống nhất, kết cấu chặt chẽ, tuyến chính và tuyến phụ logic, tạo cho câu chuyện có màu sắc phong phú, muôn màu muôn vẻ.

Đánh giá chung về tác phẩm cũng như sự nghiệp sáng tác của Thomas Mann, Hồng Dân Hoa khẳng định tuy trong sự nghiệp sáng tác văn học của mình, Tô-mát Man đã có những chuyển biến lớn về tư tưởng, nhưng ông vẫn còn có những hạn chế về thể giới quan, nhân sinh quan, chưa thể từ bỏ hoàn toàn vị trí giai cấp của mình, chưa đi sâu vào giai cấp công nhân để có thể phát huy tài năng của mình hơn nữa.

Khái Vinh trong bài viết “Văn học Đức chống phát xít”, in năm 1980 cho rằng từ năm 1933 đến năm 1945, “các nhà văn hiện thực phê phán Tô-mát Man (Thomas Mann- OTML), Hai-rích man (Heinrich Mann-OTML)... tiến dần đến chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa và những sáng tác của các ông từ chỗ đứng trên góc độ nhân đạo nhìn nhận hiện thực tiến đến đấu tranh xóa bỏ chế độ phát-xít, đứng hẳn về phía nhân dân” [18, tr. 100]. Từ quan điểm của nhà nghiên cứu, tính chất hiện thực và tính chất tiến bộ trong sáng tác của Thomas Mann và Heinrich Mann thể hiện rõ nét.

Như vậy, các nhà phê bình nghiên cứu trước năm 1986 ở Việt Nam chủ yếu quan tâm tới các sáng tác của Franz Kafka, sau đó là sáng tác của Thomas Mann. Số lượng các công trình nghiên cứu về tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 nhìn chung chưa nhiều. Ở miền Nam trước năm 1975, trong bối cảnh du nhập ồ ạt các trào lưu phê bình phương Tây, đặc biệt là phân tâm học và chủ nghĩa hiện sinh, các nhà nghiên cứu như Doãn Quốc Sĩ, Phạm Công Thiện cũng như lớp độc giả trí thức ở miền Nam lúc bấy giờ đều đánh giá giá trị tư tưởng và sự độc đáo nghệ thuật trong tác phẩm

Franz Kafka và đọc tác phẩm của Franz Kafka từ góc nhìn của Freud hay Kierkegaard. Với cách đọc quá thiên về phân tâm học hay quá thiên về hiện sinh dẫn đến một số nhận định của các nhà nghiên cứu trở nên cực đoan. Ở miền Bắc, từ góc nhìn chính trị và đấu tranh giai cấp, các nhà nghiên cứu đánh giá cao tính hiện thực trong tiểu thuyết của Kafka và Thomas Mann. Tuy nhiên, từ góc nhìn giai cấp, quên đi bối cảnh xã hội, văn hóa của tác phẩm, các nhà nghiên cứu đòi hỏi tính giai cấp vô sản trong tác phẩm của Thomas Mann hay sự lạc quan về thân phận con người trong tiểu thuyết của Franz Kafka.

### 3. Kết luận

Việc tiếp nhận tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 ở Việt Nam trước năm 1986 thể hiện ở nhiều phương diện: dịch thuật và nghiên cứu, phê bình. Dịch thuật tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 ra tiếng Việt đã có một số thành tựu nhất định trong giai đoạn trước năm 1986. Những tác giả có nhiều tác phẩm được dịch ở Việt Nam trong giai đoạn này là Franz Kafka, Thomas Mann, Erich Maria Remarque, Heinrich Boell. Đặc điểm chung của những bản dịch giai đoạn này là dịch qua các bản dịch tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Hungary và chưa hình thành đội ngũ dịch giả chuyên nghiệp. Đối chiếu với bức tranh dịch thuật, việc nghiên cứu, phê bình các tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 ở Việt Nam giai đoạn trước 1986 còn ít và mờ nhạt. Các nhà nghiên cứu, phê bình văn học như Doãn Quốc Sĩ, Hồng Dân Hoa là những người tiên phong trong nghiên cứu tiểu thuyết Đức thế kỉ 20 với những khẳng định về giá trị, đóng góp của Franz Kafka, Thomas Mann, Heinrich Mann đối với văn học Đức nói riêng và văn học hiện đại thế giới nói chung. Tuy nhiên, do hạn chế về phương pháp luận nên một số nhận định giai đoạn này có tính chất cực đoan.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. W. Elfe, and J. N. Hardin, *The Fortunes of German Writers in America: Studies in Literary Reception*. University of South Carolina Press, 1992.
- [2]. V. Michel, "Hesse in den USA-Hesse bei uns," *Wesstermanns*, vol. 5, pp. 52-59, 1971.
- [3]. J. Joosten, and C. Parry, *The Echo of Die Blechtrommel in Europe- Studies on the Reception of Guenter Grass's The Tin Drum*. Brill, 2016.
- [4]. H. B. Le, *Franz Kafka – the Human Brainwashing Person*, Ho Chi Minh City General Publishing House (in Vietnamese), 2014.
- [5]. T. K. O. Hoang, "The Reception of Edgar Allan Poe in Vietnam," (in Vietnamese), Doctoral Dissertation, Vietnam Academy of Social Sciences, Hanoi, 2011.
- [6]. N. P. Huynh, "The war, consumption society and the from 1954 to 1975 Southern literary market," (in Vietnamese), *Journal of Literary Studies - Vietnam Academy of Social Sciences*, vol. 4, pp. 27-40, 2015.
- [7]. Q. Van, "Some Characteristics of American Literature," *Journal of Bach Khoa*, vol. 1, pp. 59-62, 1957.
- [8]. N. C. Nguyen, "The Anxieties and Hopes of Modern European Literature," *Journal of Dai hoc*, vol. 11, pp. 15-19, 1959.
- [9]. C. Thach, "Presentations and Critical Essays on Two Rebellious Views of Albert Camus," *Journal of Sang tao*, vol. 3, pp. 24-28, 1960.
- [10]. D. V. Dao, "The Viewpoint of Human Nature through Literary Works in the World and in Vietnam," *Journal of Que huong*, vol. 12, pp. 18-23, 1960.
- [11]. Q. S. Doan, *Literature and Novel*, Creativity Publishing House (in Vietnamese), 1972.
- [12]. P. Vo, *Essays*, Tri Dang Publishing House (in Vietnamese), 1973.
- [13]. C. T. Pham, *New Thoughts in Literature and Philosophy*, An Tiem Publishing House (in Vietnamese), 1970.
- [14]. T. Hoang, "Franz Kafka and the Issue of Legendary in Modern Western Literature," *Journal of Literary Studies - Vietnam Academy of Social Sciences*, vol. 5, pp. 28-33, 1970.
- [15]. D. H. Do, *Critical Essays on Existentialist Literature*. Literature Publishing House, 1978.
- [16]. V. S. Pham, *Thoughts and Modern Western Literature*. Universities and Colleges Publishing House, 1986.
- [17]. D. H. Hong, "Thomas Mann- an Achievement of German Literature," *Journal of Literary Studies*, vol. 2, pp. 17-20, 1975.
- [18]. V. Khai, "Anti-Nazi German Literature," (in Vietnamese), *Journal of Literary Studies - Vietnam Academy of Social Sciences*, vol. 3, pp. 25-28, 1980.